

Bản án số: 119/2026/HS - ST
Ngày 24 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Vũ Thị Kim Ngân

Bà: Trần Thị Phương Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Hữu N.** Tên gọi khác: Không có tên gọi khác

Sinh năm 2006. Tại: Điện Biên

Nơi cư trú: **Bản L, xã T, tỉnh Điện Biên.**

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Tạ Vũ B** và con bà **Vũ Thị Tố M.** Vợ, con: Chưa có; tiền án; tiền sự: Không có. Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính; chưa bị kết án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2026 đến ngày 27/3/2026 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày xét xử. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh **Lương Ngọc T.**, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký thường trú: **Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Điện Biên.**

Chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố A, phường M, tỉnh Điện Biên.**

Trước đây là: Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà: Vũ Thị Tố M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Bản L, xã T, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 17/3/2026, Tạ Hữu N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27N1-105.70 đến nhà anh Lương Ngọc T ở tổ dân phố A, phường M, tỉnh Điện Biên để uống bia. Khi đến nhà anh T, N nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn Vivo X100s Pro màu trắng, kèm 01 thẻ sim của anh T để trên bàn uống nước trong phòng khách, quan sát thấy trong phòng khách không có người, N nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại để sử dụng, N đã lấy chiếc điện thoại, tắt nguồn rồi mang ra cất giấu vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 27N1-105.70. Sau đó, N quay vào nhà đi lên tầng 2 ngồi uống bia cùng anh T. Trong lúc uống bia, anh T nhờ N gọi vào số điện thoại của anh để tìm xem điện thoại để ở đâu, N lấy điện thoại của mình gọi vào tài khoản Zalo của anh T thì nghe thấy chuông phát ra từ máy tính của anh T, không nghe thấy chuông của điện thoại, anh T bảo N thôi không gọi nữa, rồi cả hai người tiếp tục ngồi uống bia đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì N điều khiển xe mô tô đến quán sửa chữa điện thoại Ngọc C tại thôn T, xã T, tỉnh Điện Biên để làm việc.

Ngày 17/3/2026, sau khi phát hiện bị mất điện thoại, anh T đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ về việc bị mất chiếc điện thoại di động nhãn Vivo X100s Pro màu trắng, kèm 01 thẻ sim. Ngày 18/3/2026, Tạ Hữu N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc điện thoại của anh Lương Ngọc T vào ngày 17/3/2026.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL - HĐĐG ngày 23/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND phường M, tỉnh Điện Biên kết luận: Điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Vivo X100s Pro màu trắng, mặt lưng bị vỡ kính, máy cũ đã qua sử dụng giá trị 6.800.000 đồng; S điện thoại Viettel số 0972.312.808 có giá 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 6.850.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 55/CT-VKSDBN-KV ngày 09/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên đã truy tố bị cáo Tạ Hữu N về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị hại anh Lương Ngọc T xin xét xử vắng mặt và đề nghị: Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại được tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Về trách nhiệm hình sự, bị hại đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Tạ Hữu N** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 09 ngày tạm giữ là 27 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho **UBND xã T**, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 14 giờ ngày 17/3/2026, bị cáo **Tạ Hữu N** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27N1-105.70 đến nhà anh **Lương Ngọc T** ở **tổ dân phố A, phường M, tỉnh Điện Biên** để uống bia. Khi đến nhà anh **T, N** nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn Vivo X100s Pro màu trắng, kèm 01 thẻ sim của anh **T** để trên bàn uống nước trong phòng khách, quan sát thấy trong phòng khách không có người, **N** nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại để sử dụng, **N** đã lấy chiếc điện thoại, tắt nguồn rồi mang ra cất giấu vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 27N1-105.70.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận hành vi của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; các chứng cứ có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL - HĐĐG ngày 23/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND phường M, tỉnh Điện Biên kết luận: Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 6.850.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Cáo trạng của VKSND khu vực 2 - Điện Biên truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét về năng lực trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Bị cáo thực hiện tội phạm do lỗi cố ý trực tiếp.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến nền trật tự trị an, an toàn trong xã hội, đồng thời trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Điện Biên. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải. Sau khi bị cáo đã thực hiện được hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã giao nộp tài sản trộm cắp cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại nên chưa gây thiệt hại về tài sản. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội và bị phát hiện, bị cáo đã đến cơ quan điều tra để khai báo về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*"; "*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại*"; "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" và tình tiết "*đầu thú*" theo quy định tại điểm i; h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: HĐXX xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ theo Điều 36/BLHS áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đã đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp với tính chất mức độ, hành

vi phạm tội của bị cáo và thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2026 đến ngày 27/3/2026 là 09 ngày. Số ngày tạm giữ này của bị cáo sẽ được quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ và được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xong xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Ngoài hình phạt chính theo Khoản 3 Điều 36/BLHS, bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Song xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bản thân không có việc làm và thu nhập ổn định, Vì vậy HĐXX miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu gì đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về vật chứng: Gồm 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Vivo X100s Pro màu trắng, mặt lưng bị vỡ kính, máy cũ đã qua sử dụng; 01 Sim điện thoại Viettel số 0972.312.808. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại theo biên bản trả lại tài sản ngày 27/3/2026. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27N1-105.70, bị cáo mượn của bà **Vũ Thị Tố M**, trú tại bản Lé, **xã T, tỉnh Điện Biên**, bà **M** không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 28/3/2026 cơ quan điều tra đã trả lại chiếc mô tô biển kiểm soát 27N1-105.70 cho bà **Vũ Thị Tố M** là phù hợp. HĐXX chấp nhận.

[10] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm i, h, s Khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Tạ Hữu N** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Tạ Hữu N** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 01 (Một) năm 05 (năm) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự **Công an tỉnh Đ** được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã T**, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với **Ủy ban nhân dân xã T**, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 BLTTHS, Bị cáo được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/7/2026); bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND KV2- Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04; PV06);
- Cơ quan Thi hành án hình sự CA tỉnh Điện Biên;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; bị hại; người có QL, NVLQ;
- T.H.A Dân sự tỉnh Điện Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Thùy Dương

- T.H.A HS; Lutu.